**BÀI 1. BẦU TRỜI TUỔI THƠ**

**(13 tiết)**

**A. MỤC TIÊU**

Sau khi học xong bài 1. *Bầu trời tuổi thơ*, học sinh (HS) có thể:

**I. Về năng lực**

**1. Năng lực đặc thù** (năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học)

– Nêu được ấn tượng chung về văn bản (VB) và những trải nghiệm giúp bản thân hiểu thêm VB.

– Nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật và tính cách nhân vật trong truyện.

– Hiểu được tác dụng của việc dùng cụm từ để mở rộng thành phần chính và mở rộng trạng ngữ trong câu.

– Biết tóm tắt một văn bản theo những yêu cầu khác nhau về độ dài.

– Trình bày được ý kiến về một vấn đề đời sống, tóm tắt được các ý chính do người khác trình bày.

**2. Năng lực chung** (năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo)

– Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp; thực hiện được các nhiệm vụ học tập theo nhóm.

– Biết phân tích, tóm tắt những thông tin liên quan từ nhiều nguồn khác nhau. **II. Về phẩm chất**

Biết yêu quý tuổi thơ và trân trọng giá trị của cuộc sống.

**B. PHƯƠNG PHÁP, PHƯƠNG TIỆN VÀ CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung dạy học** | **Phương pháp, phương tiện** | **Chuẩn bị trước giờ học của HS** |
| **Đọc hiểu**  Văn bản 1: *Bầy chim chìa vôi*  (3 tiết) | – Phương pháp: đọc sáng tạo, gợi tìm, tái tạo, làm việc nhóm,…  – Phương tiện: SGK, máy tính, máy chiếu, phiếu học tập. | – Đọc trước phần *Tri thức Ngữ văn* trong SGK (tr.10).  – Thực hiện phiếu học tập số 1, 2. |
| Thực hành tiếng Việt  (1 tiết) | – Phương pháp: phân tích ngôn ngữ, làm việc nhóm, thuyết trình…  – Phương tiện: SGK, máy tính, máy chiếu. | – Đọc trước mục *Mở rộng thành phần chính và trạng ngữ của câu bằng cụm từ* trong *Tri thức ngữ văn* (tr.10) và ô Nhận biết tác dụng của việc mở rộng trạng ngữ của câu bằng cụm từ (tr.17). |
| Văn bản 2: *Đi lấy mật*  (2 tiết) | – Phương pháp: đọc sáng tạo, gợi tìm, tái tạo, làm việc nhóm,…  – Phương tiện: SGK, máy tính, máy chiếu, phiếu học tập. | Thực hiện phiếu học tập. |
| Thực hành tiếng Việt  (1 tiết) | – Phương pháp: phân tích ngôn ngữ, làm việc nhóm, thuyết trình,...  – Phương tiện: SGK, máy tính, máy chiếu. | Xem lại nội dung tác dụng của việc dùng các kiểu cụm từ để mở rộng thành phần chính của câu (bài 3, *Ngữ văn 6*) |
| Văn bản 3 *Ngàn sao làm việc* và hướng dẫn Thực hành đọc  (1 tiết) | Phương tiện: SGK, phiếu học tập. | Thực hiện các nhiệm đọc hiểu được giao. |
| Viết: Tóm tắt văn bản theo những yêu cầu khác nhau về độ dài  (3 tiết) | – Phương pháp: Dạy học theo mẫu, thực hành viết theo tiến trình, gợi tìm làm việc nhóm,…  – Phương tiện: SGK, phiếu học tập | Đọc yêu cầu đối với văn bản tóm tắt, đọc bài tóm tắt tham khảo. |
| Nói và nghe: Trao đổi về một vấn đề mà em quan tâm  (2 tiết) | – Phương pháp: làm việc cá nhân và làm việc theo nhóm,…  – Phương tiện: SGK, phiếu đánh giá theo tiêu chí. | Chuẩn bị nội dung nói, tập luyện trước khi nói (SGK, tr. 30 – 31) |

**C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**I. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU BÀI HỌC**

1. Mục tiêu:

– HS nhận biết được chủ đề và thể loại chính được học trong bài.

– HS nắm được các khái niệm công cụ như đề tài, chi tiết, tính cách nhân vật.

2. Nội dung:

HS đọc SGK, làm việc nhóm để hoàn thành các câu hỏi, từ đó hiểu được nội dung khái quát của bài học và các tri thức công cụ.

3. Sản phẩm: Câu trả lời của HS, kết quả sản phẩm của nhóm.

4. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm cần đạt** |
| **1. Tìm hiểu *Giới thiệu bài học***  **Giao nhiệm vụ:**  GV yêu cầu HS đọc phần *Giới thiệu bài học*, nêu chủ đề của bài và thể loại chính được học trong bài.  **Thực hiện nhiệm vụ:**  HS dựa vào kết quả chuẩn bị bài ở nhà và đọc lại phần *Giới thiệu bài học* ở lớp để nêu chủ đề của bài và thể loại chính được học.  **Báo cáo, thảo luận:**  HS chia sẻ kết quả trước lớp.  **Kết luận, nhận định:**  GV đánh giá, nhận xét chung, nhấn mạnh chủ đề và thể loại chính trong bài học.  **2. Khám phá *Tri thức ngữ văn[[1]](#footnote-1)***  **Giao nhiệm vụ:**  GV yêu cầu HS trao đổi cặp đôi về nhiệm vụ 1 trong phiếu học tập số 1.  GV yêu cầu HS vận dụng tri thức ngữ văn đã tìm hiểu khi chuẩn bị bài và nhớ lại nội dung một truyện ngắn đã học, chẳng hạn *Gió lạnh đầu mùa* của Thạch Lam để trả lời các câu hỏi:  – *Truyện “Gió lạnh đầu mùa” viết về đề tài gì? Dựa vào đâu mà em xác định được như vậy?*  – *Ai là nhân vật chính? Nêu cảm nhận của em về tính cách nhân vật chính.*  – *Nhắc lại một chi tiết trong truyện mà em nhớ nhất. Chia sẻ với các bạn vì sao em nhớ nhất chi tiết đó.*  **Thực hiện nhiệm vụ:**  – HS vận dụng kiến thức đã được học để trả lời câu hỏi và trao đổi câu trả lời trong nhóm.  – GV định hướng, gợi ý thêm để HS có câu trả lời phù hợp.  **Báo cáo, thảo luận:**  GV tổ chức cho HS chia sẻ trước lớp, đại diện khoảng 3 nhóm trình bày ngắn gọn. Các nhóm khác nhận xét.  **Kết luận, nhận định:**  GV nhấn mạnh lại các khái niệm về đề tài, chi tiết, tính cách nhân vật và lưu ý HS về vai trò của “tri thức ngữ văn” trong quá trình đọc VB. | – Chủ đề: Thế giới tuyệt đẹp của tuổi thơ  – Thể loại đọc chính: Truyện  – Truyện viết về thế giới tuổi thơ. Truyện kể xoay quanh các sự việc liên quan đến các bạn nhỏ như: chị em Sơn, Hiên…  – Nhân vật chính là Sơn, cậu bé có tính cách hiền lành, giàu tình yêu thương.  – HS chia sẻ các chi tiết tuỳ theo lựa chọn cá nhân. |

**II. ĐỌC VĂN BẢN 1: BẦY CHIM CHÌA VÔI**

**(Nguyễn Quang Thiều)**

**Hoạt động 1.** **Khởi động**

1. Mục tiêu: Giúp HS định hướng được nội dung bài học; tạo được hứng thú, khơi gợi nhu cầu hiểu biết của HS; kết nối trải nghiệm trong cuộc sống của các em với nội dung VB.

2. Nội dung: HS vận dụng trải nghiệm thực tế và kết quả chuẩn bị bài học ở nhà để làm việc cá nhân và trả lời câu hỏi.

3. Sản phẩm: câu trả lời của HS.

4. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm cần đạt** |
| **Giao nhiệm vụ:**  GV nêu nhiệm vụ: *Hãy chia sẻ một trải nghiệm đẹp của tuổi thơ mà em nhớ mãi. Ghi lại một số từ ngữ diễn tả cảm xúc của em khi nghĩ về trải nghiệm đó.*  **Thực hiện nhiệm vụ:**  – HS hoạt động cá nhân, kết nối với thực tế, nhớ lại những cảm xúc chân thật nhất về trải nghiệm của bản thân. Ghi chép ngắn gọn các nội dung theo yêu cầu.  – Lưu ý, nếu không nhớ trải nghiệm tuổi thơ thì có thể nhắc lại trải nghiệm mới nhất mà các em vừa trải qua.  **Báo cáo, thảo luận:**  Yêu cầu khoảng 4 HS chia sẻ trải nghiệm của bản thân một cách ngắn gọn, súc tích. GV động viên các em phát biểu một cách tự nhiên, chân thật.  **Kết luận, nhận định:**  – GV cũng có thể (không nhất thiết) chia sẻ cùng HS về trải nghiệm tuổi thơ của chính mình, kết nối với bài học: *Qua việc đọc VB “Bầy chim chìa vôi” ở nhà, em có biết Mên và Mon có trải nghiệm tuổi thơ đáng nhớ nào không? Em có thích trải nghiệm đó không? Vì sao?*  – GV khơi gợi vấn đề để nêu nhiệm vụ cho bài học mới. | Câu trả lời của mỗi cá nhân HS (tuỳ theo hiểu biết và trải nghiệm của bản thân). |

**Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới**

1. Mục tiêu:

– HS nhận biết được đề tài, ngôi kể, nhân vật, các sự kiện chính; nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, qua đó nắm được tính cách nhân vật.

– Kết nối VB với trải nghiệm cá nhân; bồi đắp cảm xúc thẩm mĩ, tình yêu thiên nhiên, sự trân trọng đối với đời sống của muôn loài.

2. Nội dung: HS đọc VB, vận dụng “tri thức ngữ văn”, làm việc cá nhân và làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

3. Sản phẩm: Câu trả lời của HS, sản phẩm của nhóm, kết quả trong phiếu học tập.

4. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV và HS | Dự kiến sản phẩm cần đạt |
| **1. Hướng dẫn HS tìm hiểu chung**  – Yêu cầu HS trình bày ngắn gọn thông tin giới thiệu về nhà văn Nguyễn Quang Thiều (HS đã chuẩn bị ở nhà, nhiệm vụ 2 trong phiếu học tập số 1).  – Hướng dẫn HS bước đầu định hướng cách đọc văn bản *Bầy chim chìa vôi*: *Em đã biết thế nào là truyện, cốt truyện, nhân vật, người kể chuyện, đề tài, chi tiết, tính cách nhân vật… Dựa vào những hiểu biết này, em định hướng sẽ thực hiện những hoạt động nào để đọc hiểu văn bản “Bầy chim chìa vôi”?*  **2. Khám phá văn bản**  **a. Hướng dẫn HS đọc và tìm hiểu đề tài, ngôi kể, nhân vật, cốt truyện**  **Giao nhiệm vụ:**  – GV yêu cầu HS dựa vào phiếu học tập số 2 (đã chuẩn bị ở nhà) và cho biết đề tài, ngôi kể, nhân vật trong truyện.  – GV yêu cầu HS làm việc nhóm đôi: Dựa trên kết quả của phiếu học tập số 2, tóm tắt bằng lời câu chuyện trong văn bản *Bầy chim chìa vôi*.  – GV yêu cầu HS: Từ việc đọc văn bản ở nhà và tóm tắt cốt truyện, em hãy chọn đọc diễn cảm một đoạn trong văn bản mà em thấy thích nhất; chia sẻ lí do vì sao em ấn tượng với đoạn đó; chỉ ra tác dụng của các thẻ chỉ dẫn trong đoạn VB em đọc (nếu có).  – GV yêu cầu HS trao đổi về những từ ngữ khó trong VB.  **Thực hiện nhiệm vụ:**  – HS trả lời câu hỏi.  – HS đọc diễn cảm một số đoạn được chọn trong VB, chú ý sử các thẻ chỉ dẫn đọc ở bên phải VB.  – Tìm hiểu nghĩa của các từ khó, ghi lại những từ chưa hiểu; vận dụng các câu hỏi trong khi đọc để hiểu VB.  **Báo cáo, thảo luận:**  – HS trả lời câu hỏi, thảo luận, đọc diễn cảm.  – HS giải thích nghĩa của các từ được chú thích trong SGK, nêu những từ khó mà chưa được chú thích.  **Kết luận, nhận định:**  GV nhận xét cách đọc của HS và kết luận về đề tài, nhân vật, ngôi kể, cốt truyện.  **b. Tìm hiểu nhân vật Mên và Mon**  **Giao nhiệm vụ:**  GV yêu cầu HS làm việc cá nhân và nhóm. Một số nhóm thực hiện phiếu học tập số 3 tìm hiểu nhân vật Mon, một số nhóm thực hiện phiếu học tập số 4 tìm hiểu nhân vật Mên.  **Thực hiện nhiệm vụ:**  –HS hoàn thành sản phẩm cá nhân, thống nhất kết quả của nhóm, ghi câu trả lời vào phiếu học tập.  –GV quan sát, hỗ trợ HS.  **Báo cáo, thảo luận:**  Đại diện khoảng 3 nhóm trình bày kết quả thực hiện phiếu học tập số 3, 4 và thảo luận.  **Kết luận, nhận định:**  – GV nhận xét, đánh giá; chốt lại kiến thức.  – GV kết nối với phần *Tri thức ngữ văn* để HS hiểu hơn về chi tiết, tính cách nhân vật bằng câu hỏi:  + *Nếu em là Mên và Mon em có ra bến đò không? Vì sao?*  + *Qua những tìm hiểu trên, em nhận thấy chi tiết trong truyện có vai trò như thế nào?*  + *Làm cách nào để xác định tính cách của nhân vật?*  – GV liên hệ thực tế, nhấn mạnh về cách nhìn nhận, đánh giá con người trong cuộc sống.  **c. Tìm hiểu đoạn kết truyện**  **Giao nhiệm vụ:**  GV yêu cầu HS đọc đoạn cuối truyện (Từ *Khi ánh bình minh đã đủ sáng* đến hết) và thực hiện các nhiệm vụ sau:  – *Hình dung, tưởng tượng và miêu tả lại hình ảnh “huyền thoại” mà Mên và Mon chứng kiến bằng bằng lời văn của em (Chú ý miêu tả thời gian, không gian, cảnh vật, tập trung vào hình ảnh bầy chim chìa vôi)*  – *Đọc đoạn văn miêu tả khung cảnh bãi sông trong buổi bình minh, em ấn tượng nhất với chi tiết nào? Vì sao?*  – *Trong đoạn kết, Mên và Mon hình như không hiểu rõ vì sao mình lại khóc. Theo em, điều gì đã khiến các nhân vật có cảm xúc như vậy?*  **Thực hiện nhiệm vụ:**  –HS đọc và tự chọn chi tiết ấn tượng nhất đối với bản thân.HS làm việc cá nhân.  –GV gợi ý HS tự đặt mình vào hoàn cảnh nhân vật để lí giải.  **Báo cáo, thảo luận:**  HS chia sẻ kết quả sản phẩm, trao đổi, thảo luận.  **Kết luận, nhận định:**  –GV nhận xét, đánh giá chung, nhấn mạnh những chi tiết hay, những cách cảm nhận, lí giải sâu sắc và tinh tế.  –Liên hệ thực tế, gợi dẫn đến vẻ đẹp của lòng dũng cảm; của những khoảnh khắc con người vượt qua gian nan, thử thách để trưởng thành,…  **3. Tổng kết**  – *Nêu nội dung chính của truyện “Bầy chim chìa vôi”.*  *– Điều gì đã làm nên sức hấp hẫn của truyện?*  – *Truyện đã tác động như thế nào đến suy nghĩ và tình cảm của em?*  GV kết nối với những nội dung chính của bài học, nhấn mạnh đề tài, chi tiết, tính cách nhân vật khi đọc truyện; chốt kiến thức toàn bài. | **1. Tìm hiểu chung**  a. Tác giả  – Nguyễn Quang Thiều sinh năm 1957 tại Hà Nội.  – Ông từng được trao tặng hơn 20 giải thưởng văn học trong nước và quốc tế.  b. Cách đọc hiểu văn bản truyện  **2. Khám phá văn bản**  **a. Tìm hiểu đề tài, ngôi kể, nhân vật, cốt truyện**  – Truyện kể về hai nhân vật Mên và Mon. Nội dung câu chuyện xoay xung quanh sự lo lắng, quan tâm của Mên và Mon đối với bầy chim chìa vôi giữa lúc nước sông đang dâng cao.  – Đề tài về thế giới tuổi thơ.  – Câu chuyện được kể bằng lời người kể chuyện ngôi thứ ba.  – Các sự kiện chính trong câu chuyện:  + Mên và Mon tỉnh giấc khi bên ngoài trời đang mưa to, nước sông dâng cao. Cả hai lo lắng cho bầy chim chìa vôi non ngoài bãi sông.  + Mên và Mon muốn đưa bầy chim non vào bờ.  + Hai anh em tìm cách xuống đò ra bãi cát để mang bầy chim vào bờ nhưng không được, đành quay lại quan sát.  + Bầy chim chìa vôi non đã bay lên được, thoát khỏi dòng nước khổng lồ trước sự ngỡ ngàng, vui sướng của hai anh em.  – Giải thích nghĩa của từ được chú thích trong SGK. HS có thể nêu thêm những từ khó khác.  **b. Tìm hiểu nhân vật Mên và Mon**  **Nhân vật Mon:**  – Lời nói: *Có lẽ sắp ngập mất bãi cát rồi; Em sợ những con chim chìa vôi non bị chết đuối mất; Thế anh bảo chúng nó có bơi được không?; Tổ chim ngập mất anh ạ. Mình phải mang chúng nó vào bờ, anh ạ.*  – Cử chỉ, hành động: không ngủ, nằm im lặng; liên tục hỏi anh làm thế nào để mang chim vào bờ; xuống đò cùng anh.  – Tâm trạng, suy nghĩ: lo lắng, sợ nước sông dâng ngập bãi cát, bầy chim chìa vôi non sẽ bị chết đuối.  – Nhận xét về Mon: Cậu bé có tâm hồn trong sáng, nhân hậu, biết yêu thương loài vật, trân trọng sự sống.  **Nhân vật Mên:**  – Lời nói: *Thế làm thế nào bây giờ?; Chứ còn sao; Nào, xuống đò được rồi đấy; Phải kéo về bến chứ, không thì chết. Bây giờ tao kéo còn mày đẩy…*  – Cử chỉ, hành động: không ngủ, nằm im lặng, quyết định xuống đò cùng em; giọng tỏ vẻ người lớn; quấn cái dây buộc đò vào người nó và gò lưng kéo;….  – Tâm trạng, suy nghĩ: lo lắng cho bầy chim chìa vôi non, bình tĩnh bảo vệ em và con đò.  – Nhận xét về nhân vật Mên: Thể hiện mình là người sống có trách nhiệm, biết suy nghĩ, hành động dứt khoát, bình tĩnh, quan tâm, bảo vệ em, yêu loài vật.  – HS trả lời theo cảm nhận, suy nghĩ riêng.  – HS vận dụng “tri thức ngữ văn” và nội dung đã điền trong phiếu học tập để trả lời về vai trò của các chi tiết trong truyện và cách để xác định tính cách nhân vật.  **c. Tìm hiểu đoạn kết truyện**  – HS hình dung và miêu tả theo sự sáng tạo riêng: cảnh tượng như huyền thoại vì bầy chim chìa vôi non bé bỏng không bị chết đuối mà vụt bay lên, bứt khỏi dòng nước khổng lồ một cách ngoạn mục, trước sự ngỡ ngàng, vui sướng của hai anh em.  –Tuỳ vào cảm nhận, mỗi HS có lí do riêng để chọn chi tiết mình thích, chẳng hạn: khoảnh khắc bầy chim chìa vôi cất cánh, chi tiết miêu tả bầy chim non,…  –Mỗi HS sẽ có những cách lí giải riêng, có thể:  + Mên và Mon đã quá lo lắng cho bầy chim chìa vôi, nhìn thấy chúng an toàn cả hai cảm thấy vui sướng, hạnh phúc.  + Vui mừng, xúc động khi bầy chim được an toàn.  **3. Tổng kết**  – Truyện kể về tình cảm của hai anh em Mên và Mon đối với bầy chim chìa vôi.  – Về sức hấp dẫn của truyện:  + Lời thoại, cử chỉ, hành động, suy nghĩ chân chất, mộc mạc, mang nét hồn nhiên trẻ thơ của nhân vật.  + Các sự việc đậm chất đời thường, gần gũi với trẻ thơ, đặc biệt là những việc làm giàu tính nhân văn.  + Nghệ thuật miêu tả tinh tế, đầy chất thơ, nhiều cảm xúc.  –HS nêu nhận thức riêng về sự tác động của truyện đến bản thân.  – Câu trả lời về những yếu tố cần chú ý khi đọc một VB truyện:  + Cần chú ý đề tài để có định hướng đọc hiểu đúng.  + Chú ý các sự kiện chính, chi tiết tiêu biểu về nhân vật (lời nói, cử chỉ, hành động,…) để hiểu nội dung, nghệ thuật của truyện. |

**Hoạt động 3. Luyện tập**

1. Mục tiêu: Củng cố kiến thức, kĩ năng đã học.

2. Nội dung: HS củng cố kiến thức về đọc hiểu VB truyện; thực hành viết đoạn văn ngắn từ một nội dung của truyện.

3. Sản phẩm: Đoạn văn của HS.

4. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm cần đạt** |
| **1. Luyện tập đọc hiểu**  **Giao nhiệm vụ:**  GV yêu cầu HS thực hiện các yêu cầu sau: *Khi đọc một VB truyện, em cần chú ý những yếu tố nào?*  **Thực hiện nhiệm vụ:**  ­HS làm việc cá nhân hoặc làm việc nhóm để thực hiện nhiệm vụ.  **Báo cáo, thảo luận:**  Khoảng 3, 4 HS chia sẻ kết quả sản phẩm, góp ý, bổ sung cho sản phẩm của bạn.  **Kết luận, nhận định:**  GV nhận xét, đánh giá kết quả sản phẩm, nhấn mạnh cho HS một số kĩ năng đọc hiểu.  **2. Viết kết nối với đọc**  **Giao nhiệm vụ:**  GV yêu cầu HS:*Viết đoạn văn (khoảng 5* – *7 câu) kể lại sự việc bầy chim chìa vôi bay lên khỏi bãi sông bằng lời của một trong hai nhân vật Mon hoặc Mên (ngôi kể thứ nhất).*  **Thực hiện nhiệm vụ:**  Hướng dẫn HS chọn nhân vật kể, ngôi kể; chú ý thay đổi lời kể theo ngôi thứ nhất, lựa chọn giọng kể phù hợp, đảm bảo sự việc, đầy đủ chi tiết. GV quan sát, hỗ trợ những HS gặp khó khăn.  **Báo cáo, thảo luận:**  Một sốHS trình bày đoạn văn trước lớp. Các HS khác căn cứ vào các tiêu chí đánh giá để nhận xét về sản phẩm của bạn. Các tiêu chí có thể như sau:  ­– Nội dung: Kể đúng nội dung sự việc, đảm bảo đầy đủ, chính xác của các chi tiết  ­– Ngôi kể: Sử dụng ngôi kể thứ nhất  ­– Chính tả và diễn đạt: Đúng chính tả và không mắc lỗi diễn đạt  ­– Dung lượng; Đoạn văn khoảng 5- 7 câu  **Kết luận, nhận định:**  GV nhận xét, đánh giá; rút kinh nghiệm cho HS. | – Câu trả lời:  + Cần chú ý đề tài để có định hướng đọc hiểu đúng.  + Chú ý các sự kiện chính, chi tiết tiêu biểu về nhân vật (lời nói, cử chỉ, hành động,…) để hiểu nội dung, nghệ thuật của truyện.  Đoạn văn của HS bảo đảm đúng yêu cầu. |

**Hoạt động 4. Vận dụng**

1. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết tình huống mới trong học tập và thực tiễn.

2. Nội dung: Vẽ tranh, tự chọn đọc một VB truyện có chủ đề về thế giới tuổi thơ.

3. Sản phẩm: Nhật kí đọc sách.

4. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm cần đạt** |
| **Giao nhiệm vụ:**  GV yêu cầu HS thực hiện ở nhà:  – *Vẽ tranh thể hiện một chi tiết nghệ thuật trong văn bản “Bầy chim chìa vôi” mà em ấn tượng.*  *– Tìm đọc một truyện ngắn có chủ đề về thế giới tuổi thơ và điền thông tin phù hợp vào nhật kí đọc sách do em thiết kế theo mẫu gợi ý. Chuẩn bị chia sẻ kết quả đọc mở rộng của em với các bạn trong nhóm hoặc trước lớp.*  **Thực hiện nhiệm vụ**:  HS tự tìm đọc một truyện ngắn theo yêu cầu, nhận biết đề tài, chi tiết, ấn tượng chung về nhân vật và ghi lại kết quả đọc vào nhật kí đọc sách; chuẩn bị trao đổi kết quả đọc ở tiết Đọc mở rộng. | – Tranh vẽ của HS.  – Nhật kí đọc sách, chuẩn bị cho phần trao đổi ở tiết Đọc mở rộng. |

**Phụ lục phiếu học tập**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

1. **Đọc thầm phần *Tri thức ngữ văn*. Tìm và điền các từ ngữ phù hợp vào chỗ trống trong các phát biểu dưới đây.**

a. Đề tài là…………………………………….., thể hiện trực tiếp trong tác phẩm văn học

b. Để xác định và gọi được tên đề tài, có thể dựa vào…………………………..được miêu tả hoặc ………………………được đặt ở vị trí trung tâm của tác phẩm

c. Một tác phẩm có thể đề cập nhiều đề tài, trong đó có một đề tài………

d. Chi tiết là …………………………….tạo nên thế giới hình tượng.

e. Tính cách nhân vật là………………………………. tương đối ổn định của nhân vật, được bộc lộ qua hành động, cách ứng xử, cảm xúc, suy nghĩ,…

**2. Tìm hiểu, ghi vắn tắt thông tin giới thiệu về nhà văn Nguyễn Quang Thiều**

Điều em tìm hiểu được về nhà văn Nguyễn Quang Thiều:

*……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………..*

*…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….*

*……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………*

**3. Hãy chia sẻ cảm xúc, ấn tượng ban đầu của em sau khi đọc văn bản *Bầy chim chìa vôi***

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

.

**BÀI 2: KHÚC NHẠC TÂM HỒN**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

1. **Đọc thầm phần Tri thức ngữ văn. Tìm và điền các từ ngữ phù hợp vào chỗ trống trong các phát biểu dưới đây.**

a. Đề tài là…………………………………….., thể hiện trực tiếp trong tác phẩm văn học

b. Để xác định và gọi được tên đề tài, có thể dựa vào…………………………..được miêu tả hoặc ………………………được đặt ở vị trí trung tâm của tác phẩm

c. Một tác phẩm có thể đề cập nhiều đề tài, trong đó có một……………………………………….

d. Chi tiết là …………………………….tạo nên thế giới hình tượng.

e. Tính cách nhân vật là………………………………. tương đối ổn định của nhân vật, được bộc lộ qua hành động, cách ứng xử, cảm xúc, suy nghĩ,…

**2. Tìm hiểu, ghi vắn tắt thông tin giới thiệu về nhà văn Nguyễn Quang Thiều**

Điều em tìm hiểu được về nhà văn Nguyễn Quang Thiều:

*……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………..*

*…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….*

*……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………*

**3. Hãy chia sẻ cảm xúc, ấn tượng của em sau khi đọc văn bản Bầy chim chìa vôi**

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

**1. Đọc thầm văn bản *Bầy chim chìa vôi*. Dừng lại ở cuối mỗi phần và ghi vắn tắt kết quả đọc theo gợi dẫn sau đây.**

1.1 . Phần (1) kể về:

1.2. Phần (2) kể về:

1.3. Phần (3) kể về:

**2. Trả lời các câu hỏi sau để tìm hiểu chung về văn bản.**

2.1. Hãy cho biết đề tài của văn bản truyện:

…………………………………………………………………………………………………..……………………..……………………..…………..

2.2. Hãy cho biết các nhân vật trong truyện:

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

2.2. Truyện được kể ở ngôi thứ mấy?

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

2.2. Nhận xét về nghệ thuật xây dựng nhân vật Mon.

2.1.Em cảm nhận như thế nào về tính cách nhân vật Mon?

2. Làm việc theo nhóm 4 thành viên để chia sẻ kết quả thực hiện nhiệm vụ 1 và cùng thảo luận.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3**

1.Đọc kĩ văn bản và tìm hiểu nhân vật Mon theo gợi dẫn

1.2. *Tìm hiểu nhân vật Mon trong phần (2)*

- Câu chuyện chính trong lời nói của Mon:

- Cử chỉ, hành động của Mon:

- Tâm trạng, suy nghĩ của Mon:

*1.1. Tìm hiểu nhân vật Mon trong phần (1)*

*1.3. Tìm hiểu nhân vật Mên trong phần (3)*

- Hành động của Mon:

- Cảm xúc, suy nghĩ của Mon khi chứng kiến bầy chim chìa vôi:

- Câu chuyện chính trong lời nói của Mon:

- Cử chỉ, hành động của Mon:

- Tâm trạng, suy nghĩ của Mon:

2.1.Em cảm nhận như thế nào về tính cách nhân vật Mên?

2.2. Nhận xét về nghệ thuật xây dựng nhân vật Mên.

- Câu chuyện chính trong lời nói của Mên:

- Cử chỉ, hành động của Mên:

- Tâm trạng, suy nghĩ của Mên:

2. Làm việc theo nhóm 4 thành viên để chia sẻ kết quả thực hiện nhiệm vụ 1 và cùng thảo luận.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4**

1. 1.Đọc kĩ văn bản và tìm hiểu nhân vật Mên theo gợi dẫn

1.2. Tìm hiểu nhân vật Mên trong phần (2)

- Câu chuyện chính trong lời nói của Mên:

- Cử chỉ, hành động của Mên:

- Tâm trạng, suy nghĩ của Mên:

*1.1. Tìm hiểu nhân vật Mên trong phần (1)*

*1.3. Tìm hiểu nhân vật Mên trong phần (3)*

- Hành động của Mên:

- Cảm xúc, suy nghĩ của Mên khi nhìn thấy bầy chim chìa vôi:

**Đọc - hiểu văn bản (2)**

**GẶP LÁ CƠM NẾP** (**2 tiết**)

**– *Thanh Thảo*–**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Yêu cầu cần đạt**

**1. Về năng lực**

***\* Năng lực chung***

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc xem video bài giảng, đọc tài liệu và hoàn thiện phiếu học tập của giáo viên giao cho trước khi tới lớp

- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong hoạt động luyện tập

***\* Năng lực đặc thù***

- Đọc diễn cảm bài thơ “ *Gặp lá cơm nếp*” [1]

- Nhận biết và nhận xét được nét độc đáo của bài thơ bốn chữ và năm chữ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, vần nhịp, biện pháp tu từ. [2]

- Nêu được ấn tượng chung về nhà văn Thanh Thảo và văn bản “*Gặp lá cơm nếp*” [3]

- Nhận biết được biện pháp nghệ thuật và tác dụng của biện pháp nghệ thuật trong văn bản “*Gặp lá cơm nếp*” [4]

- Phân tích, suy luận được những nội dung ý nghĩa của bài thơ: Tình cảm gia đình gắn với tình yêu quê hương, đất nước. [5]

- Thấy được: Nỗi nhớ quê của người con xa quê và hình ảnh người mẹ trong kí ức người con. [6]

- Viết được đoạn văn nêu cảm nghĩ về tình cảm của người con đối với mẹ trong bài thơ “ *Gặp lá cơm nếp*” [7]

- Bước đầu biết làm một bài thơ năm chữ, viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc bài thơ. [8]

**2. Về phẩm chất*:***Tình yêu quê hương, gia đình, sự gắn bó với những sự vật quen thuộc ở quê hương.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Máy chiếu, máy tính, bảng phụ và phiếu học tập.

- Tranh ảnh về nhà thơ Thanh Thảo và văn bản “Gặp lá cơm nếp”.

- Các phiếu học tập (Phụ lục đi kèm).

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HĐ 1: Xác định vấn đề (5’)**

**a. Mục tiêu**: HS huy động trải nghiệm của hs về xôi- một trong những món ăn quen thuộc của người Việt từ đó kết nối với văn bản.

**b. Tổ chức thực hiện**:

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

GV chiếu các hình ảnh về món xôi nếp và lá cây cơm nếp

? Em hãy chia sẻ cảm nhận của mình về hương vị của món xôi em đã thưởng thức

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS quan sát các hình ảnh về món xôi nếp và lá cây cơm nếp và chia sẻ cảm nhận của mình

**B3: Báo cáo, thảo luận**

**HS** trả lời câu hỏi.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Kết nối vào nội dung đọc - hiểu văn bản.

**2. HĐ 2: Hình thành kiến thức mới**

**2.1 Đọc - hiểu văn bản**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **I. Tìm hiểu chung ( 15’)** | | |
| **Mục tiêu**: [1]; [2]; [3]  **GV** sử dụng KT chia sẻ nhóm đôi để tìm hiểu về tác giả, KT đặt câu hỏi để HS tìm hiểu văn bản.  **HS** dựa vào phiếu học tập đã chuẩn bị ở nhà để thảo luận nhóm cặp đôi và trả lời những câu hỏi của GV. | | |
| **Tổ chức thực hiện** | | **Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  **1. Đọc**  - Hướng dẫn đọc diễn cảm, chú ý ngữ điệu, chú ý những câu cần đọc với ngữ điệu đặc biệt  + Đọc giọng to, rõ ràng diễn cảm. Chú ý khi đọc dòng thơ “*Ôi mùi vị quê hương*” lưu ý cách ngắt nhịp ¼ nhấn mạnh vào thán từ *ôi* để biểu dạt tình cảm, cảm xúc của tác giả dành cho quê hương và người mẹ.  Gv đọc mẫu, yêu cầu 3 hs đọc bài thơ gv nhận xét, điều chỉnh cách đọc, giọng đọc.  **2. Tác giả**  - Chia nhóm cặp đôi (theo bàn).  - Yêu cầu HS mở phiếu học tập GV đã giao về nhà đã chuẩn bị và đổi phiếu cho bạn cùng nhóm để trao đổi, chia sẻ.  Họ và tên ..................Lớp  **Phiếu học tập số 1**   1. Tìm hiểu về tác giả Thanh thảo   .....................................................................................................................................................................................................................................................................   1. Tìm hiểu về tác phẩm 2. Thể loại   ............................................................................   1. Phương thức biểu đạt chính   ............................................................................   1. Nội dung   ........................................................................................................................................................   1. Bố cục.   ....................................................................................................................................................................................................................................  (Phiếu học tập giao về nhà)  ? Trình bày những nét cơ bản về nhà thơ Thanh Thảo  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát phiếu học tập của bạn, cùng nhau chia sẻ, trao đổi và thống nhất ý kiến.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - GV yêu cầu 1 vài cặp đôi báo cáo sản phẩm.  - HS đại điện cặp đôi trình bày sản phẩm. Các cặp đôi còn lại theo dõi, nhận xét và ghi chép kết quả thảo luận của các cặp đôi báo cáo.  **B4: Kết luận, nhận định**  **HS:** Những cặp đôi không báo cáo sẽ làm nhiệm vụ nhận xét, bổ sung cho cặp đôi báo cáo (nếu cần).  **GV**: - Nhận xét thái độ làm việc và sản phẩm của các cặp đôi.  - Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau  **3. Tác phẩm**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  b. Yêu cầu HS tiếp tục quan sát phiếu học tập đã chuẩn bị ở nhà và trả lời các câu hỏi còn lại:  ? Văn bản “Gặp lá cơm nếp” thuộc thể thơ ?  ? Phương thức biểu đạt chính  ? Nội dung bài thơ?  ? Có thể chia văn bản này ra làm mấy phần? Nêu nội dung của từng phần?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV:**  1. Hướng dẫn hs tìm hiểu thể loại  2. Theo dõi, hỗ trợ HS (nếu cần).  **HS:**  - Xem lại nội dung phiếu học tập đã chuẩn bị ở nhà.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV** yêu cầu HS trả lời, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần).  **HS:**  - Trả lời các câu hỏi của GV.  - HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Chốt kiến thức, cung cấp thêm thông tin (nếu cần) và chuyển dẫn sang đề mục sau.  Gv yêu cầu hs thực hiện phiếu học tập số 2: Giao ở tiết học trước.  Họ và tên ..................Lớp  **Phiếu học tập số 2**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Văn bản  Đặc điểm | ***Đồng dao mùa xuân*** | ***Gặp lá cơm nếp*** | | Số tiếng trong mỗi dòng thơ |  |  | | Cách gieo vần |  |  | | Ngắt nhịp |  |  | | Chia khổ |  |  |   Gv gọi hs trình bày phiếu HT của mình  Hs khác nhận xét - Gv bổ sung   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Văn bản  Đặc điểm | ***Đồng dao mùa xuân*** | ***Gặp lá cơm nếp*** | | Số tiếng trong mỗi dòng thơ | 4 tiếng / dòng | 5 tiếng/ dòng | | Cách gieo vần | Chân | Chân | | Ngắt nhịp | Linh hoạt biến tấu trên nền nhịp 2/2 | Linh hoạt biến tấu trên nền nhịp 2/3 | | Chia khổ | 9 khổ, trong đó có 2 khổ đặc biệt | 4 khổ trong đó có 1 khổ đặc biệt | | | **1. Đọc văn bản**  **2. Tác giả:** Thanh Thảo  **C:\Users\DELL\Desktop\nha-tho-thanh-thao.jpg**  - Sinh năm 1946, quê ở Quảng Ngãi.  - Ông là một nhà thơ, nhà báo được công chúng chú ý qua những tập thơ và trường ca viết về chiến tranh và thời hậu chiến:  - Những tác phẩm chính: *Những người đi tới biển* (1977), *Dấu chân qua trảng cỏ* (1978)*,Những ngọn sóng mặt trời* (1981), *Khối vuông ru-bích* (1985), *Từ một đến một trăm* (1988).  **3. Tác phẩm**  - Thể loại: Thể thơ 5 chữ  - Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm  - Nội dung: Cảm xúc của người con trên đường hành quân ra mặt trận nhớ về mẹ nơi quê nhà khi gặp lá cơm nếp.  - Bố cục: 2 phần  + Khổ 1,4: *Hoàn cảnh gợi nhắc người con nhớ về mẹ*  + Khổ 2,3: *Hình ảnh người mẹ trong kí ức người con.* |
| **II. Khám phá văn bản (46’)** | | |
| 1. **Hoàn cảnh gợi nhắc người con nhớ về mẹ** | | |
| **Mục tiêu**: [4]; [6]  **GV** sử dụng KT chia sẻ nhóm đôi  **HS** làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành phiếu học tập và trình bày sản phẩm. | | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm lớp.  - Giao nhiệm vụ: hoàn thiện phiếu học tập số 3 bằng cách trả lời các câu hỏi 1, 2, 3  - Thời gian: 5 phút    Họ và tên ..................Lớp..................  **Phiếu học tập số 3**   1. Nêu nội dung khổ 1,4   ..............................................................................................................................................................   1. Hoàn cảnh để người con thổ lộ tâm tư tình cảm   ..............................................................................................................................................................   1. Hoàn cảnh đó đã gợi cho con nhớ đến ai   .............................................................................................................................................................  4. Nhận xét cách ngắt nhịp thơ ?  \* GV chiếu nội dung khổ 1,4 lên màn hình.  *Xa nhà đã mấy năm*  *Thèm bát xôi mùa gặt*  *Khói bay ngang tầm mắt*  *Mùi xôi sao lạ lùng*  *..................................*  *Cây nhỏ rừng Trường Sơn*  *Hiểu lòng nên thơm mãi*  ***Dự kiến tình huống khó khăn***: HS gặp khó khăn trong câu hỏi số 3  **(Tháo gỡ**: GV gợi ý HS bằng cách hướng dẫn các em đọc khổ thơ 1: Hình ảnh bát xôi mùa gặt, khói bếp.. đây là những hình ảnh quen thuộc, gần gũi gắn với quê hương, với mẹ....)  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**: - Quan sát khổ 1,4 bài thơ (GV đã chiếu trên màn hình).  - Thực hiện yêu cầu trong phiểu học tập  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**: - Yêu cầu các nhóm HS trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS:**  - Đại diện một nhóm trình bày sản phẩm.  - HS còn lại theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét câu trả lời của HS.  - Chốt kiến thức, bình giảng và chuyển dẫn sang mục sau. | **1.Hoàn cảnh gợi nhắc người con nhớ về mẹ**  - Hoàn cảnh người con thổ lộ tâm tư tình cảm:  +Trên đường hành quân ra mặt trận, anh gặp lá cơm nếp - một loài cây nhỏ, mọc hoang có hương thơm giống cơm nếp.  + Hương vị của lá cơm nếp dã gợi cho anh nhớ làn khói xôi bay ngang tầm mắt, thèm bát xôi mùa gặt có hương thơm lạ lùng, từ đó nhớ đến hình ảnh ảnh thân thương của người mẹ bên bếp lửa nấu xôi.  -Nghệ thuật: ngắt nhịp linh hoạt (2/3; 3/2) | |
| **2. Cảm xúc của tác giả nhớ về quê hương về mẹ** | | |
| **Mục tiêu**: [4]; [5]; [6]  **GV** sử dụng KT đặt câu hỏi, KT thảo luận cặp đôi để HS tìm hiểu cảm xúc của tác giả nhớ về quê hương về mẹ  **HS** làm việc cá nhân, thảo luận cặp đôi để hoàn thành nhiệm vụ và báo cáo sản phẩm. | | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  **-**Đọc diễn cảm những khổ thơ còn lại và nêu nội dung  - Thảo luận nhóm (cặp đôi) theo các câu hỏi:  Gv phát phiếu học tập và giao nhiệm vụ cho các nhóm.  **1.** Tìm những dòng thơ kể về người mẹ trong kí ức người con**.** ( Theo gợi ý)   |  |  | | --- | --- | | Những dòng thơ kể về mẹ | H/ả người mẹ trong kí ức người con | |  |  |   2.Từ hình ảnh người mẹ cho em thấy hình ảnh người con như thế nào  3. Trong khổ thơ thứ 3 người con thể hiện những tình cảm, cảm xúc gì? Vì sao những tình cảm, cảm xúc ấy lại cùng trào dâng trong tâm hồn người con khi “ *Gặp lá cơm nếp*”  4. Em có nhận xét gì về cách dùng từ của tác giả trong câu thơ thứ 1 trong khổ thơ thứ 3 “ *Ôi mùi vị quê hương*”  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**: làm việc cá nhân, làm việc nhóm cặp đôi để hoàn thành nhiệm vụ học tập.  **GV**:  - **Dự kiến khó khăn**: HS khó đưa ra đầy đủ hình ảnh người mẹ trong kí ức của người con.  ( **Tháo gỡ KK** bằng cách gợi dẫn cho hs qua các chi tiết: “*nhặt lá về đun bếp*”, “ *Mẹ ở đâu chiều nay*”  **-Dự kiến sản phẩm:**  **1.**   |  |  | | --- | --- | | *Những dòng thơ kể về mẹ* | H/ả người mẹ trong kí ức người con | | *Mẹ ở đâu chiều nay*  *Nhặt lá về đun bếp*  *Phải mẹ thổi cơm nếp* | -Mẹ là người tần tảo, chăm lo cuộc sống gia đình.  - Mẹ rất yêu thương các con  - Mẹ rất giản dị, mộc mạc chất phác. |   2. Người mẹ trong bài thơ, có thể do quê nghèo, do mùa vụ hoặc phải tiết kiệm nên không có rơm hay củi để đun nấu. Mẹ phải đi nhặt lá về đun nấu nên việc nấu còn khó gấp bội....  3. Người con rất yêu thương mẹ, thấu hiểu nỗi vất vả và tình cảm mà mẹ dành cho mình, đồng thời người đọc cũng cảm nhận được nỗi xót xa của người con khi đi xa không thể đỡ đần chia sẻ nỗi vất vả, nhọc nhằn cùng mẹ.  4. Thán từ *“ôi*” kết hợp với danh từ” *mùi*” “ *vị*” vừa mang nghĩa chỉ hương vị cụ thể riêng có của quê nhà, vừa mang tính trừu tượng chỉ một sắc thái riêng của quê hương. Từ đó bộc lộ tình cảm, cảm xúc của người con khi nhớ về quê hương của mình.  - Những cụm từ : *Mùi vị quê hương, chia đều nỗi nhớ thương*. Người con nhắc đến mẹ già và đất nước đồng thời khẳng định chia đều nỗi nhớ thương cho cả người mẹ và đất nước. Tình yêu gia đình hòa với tình yêu quê hương, đất nước. Trong trái tim người lính hình ảnh quê hương, đất nước hiện lên chân thật, gần gũi gắn với hình bóng lam lũ, tần tảo mà tha thiết yêu thương của mẹ.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV:**  - Yêu cầu HS trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS** - Đại diện 1 nhóm lên trình bày sản phẩm.  - Các nhóm cặp đôi khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho cặp đôi báo cáo (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ làm việc, ý kiến nhận xét và sản phẩm của các cặp đôi.  - Chốt kiến thức lên màn hình, chuyển dẫn sang nội dung sau. | **2. Cảm xúc của tác giả nhớ về quê hương về mẹ**  - Người con rất yêu thương mẹ, thấu hiểu nỗi vất vả và tình cảm mà mẹ dành cho mình, đồng thời người đọc cũng cảm nhận được nỗi xót xa của người con khi đi xa không thể đỡ đần chia sẻ nỗi vất vả, nhọc nhằn cùng mẹ.  -> Tình yêu gia đình hòa với tình yêu quê hương, đất nước.  - Nghệ thuật: Thán từ *“ôi*” , hình ảnh thơ giàu giá trị biểu cảm  -> bộc lộ tình cảm nhớ thương của người con khi nhớ về quê hương của mình. | |
| **III. TỔNG KẾT ( 6’)** | | |
| **Mục tiêu**: [4], [6]  **GV** sử dụng KT đặt câu hỏi để khái quát giá trị nghệ thuật, nội dung và những điều rút ra từ văn bản.  **HS** làm việc cá nhân để trả lời câu hỏi của giáo viên. | | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** | |
| **B1 Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  ? Nội dung chính của văn bản “ *Gặp lá cơm nếp*”?  ? Nêu những biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS** suy nghĩ cá nhân và ghi câu trả lời ra giấy.  **GV** hướng theo dõi, quan sát HS làm việc cá nhân, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS** báo cáo kết quả làm việc cá nhân, HS khác theo dõi, nhận xét và bổ sung cho bạn (nếu cần).  **GV** hướng dẫn và yêu cầu HS trình bày, nhận xét, đánh giá chéo giữa các HS.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS.  - Chốt nội dung phần tổng kết lên màn hình và chuyển dẫn sang nội dung sau. | **1. Nội dung**  Bài thơ là tình cảm nhớ thương của người con dành cho mẹ và đất nước. Đó là tình cảm thiêng liêng của người con dành cho cội nguồn, cho dân tộc, cho người mẹ kính yêu đã sinh ra và yêu thương mình. **2. Nghệ thuật**  - Hình ảnh thơ giàu giá trị biểu cảm  - Cách gieo vần liền đặc sắc  - Nhịp thơ ngắt linh hoạt theo từng câu (2/3, 1/4. 3/2) | |

**3. HĐ 3: Luyện tập ( 10’)**

**a) Mục tiêu:** [7] Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

**b) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HS

Viết đoạn văn từ 5- 7 câu nêu cảm nghĩ về tình cảm của người con đối với mẹ trong bài thơ “ *Gặp lá cơm nếp*”

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**GV:**

- Hướng dẫn hs về hình thức đoạn văn lưu ý 5 đến 7 câu

**-** Nội dung: Cảm nghĩ về tình cảm của người con đối với mẹ trong bài thơ “ *Gặp lá cơm nếp”*

**HS:** Viết đoạn văn

**B3: Báo cáo, thảo luận:**

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá bài làm của HS bằng điểm số.

**4. HĐ 4: Vận dụng ( 7’)**

**a) Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

**b) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ** **(GV)**

? Em đã thể hiện tình cảm của mình với mẹ kính yêu của mình như thế nào?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**GV** hướng dẫn HS xác nhiệm vụ và cho hs nghe câu chuyện về tình cảm của người con dành cho mẹ

**HS** đọc, xác định yêu cầu của bài tập và lắng nghe câu chuyện

**B3: Báo cáo, thảo luận**

**GV** hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm (trả lời ngắn nếu còn thời gian, hoặc viết đoạn văn rồi trình chiếu).

**HS** nộp sản phẩm cho GV

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- Giáo viên giao nhiệm vụ về nhà.

+ Đọc thuộc và diễn cảm bài thơ “*Gặp lá cơm nếp*”

+ Tập làm một bài thơ 5 chữ chủ đề tự chọn.

+ Giao phiếu học tập và yêu cầu HS đọc lướt, đọc theo thẻ văn bản “ *Trở gió*” của Nguyễn Ngọc Tư.

1. **Phụ lục**

Họ và tên ..................Lớp

**Phiếu học tập số 1**

1. Tìm hiểu về tác giả Thanh thảo

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................

1. Tìm hiểu về tác phẩm
2. Thể loại

...........................................................................................................................

1. Phương thức biểu đạt chính

...........................................................................................................................

1. Nội dung

......................................................................................................................................................................................................................................................

1. Bố cục.

......................................................................................................................................................................................................................................................

Họ và tên ..................Lớp

**Phiếu học tập số 2**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | Đồng dao mùa xuân | Gặp lá cơm nếp |
| Số tiếng trong mỗi dòng thơ |  |  |
| Cách gieo vần |  |  |
| Ngắt nhịp |  |  |
| Chia khổ |  |  |

Họ và tên ..................Lớp..................

**Phiếu học tập số 3**

1. Nêu nội dung khổ 1,4

......................................................................................................................................................................................................................................................................

1. Hoàn cảnh để người con thổ lộ tâm tư tình cảm

......................................................................................................................................................................................................................................................................

1. Hoàn cảnh đó đã gợi cho con nhớ đến ai

...........................................................................................................................................................

Ngày soạn:…/…/…

Ngày dạy:…/…/…

**BÀI 3: CỘI NGUỒN YÊU THƯƠNG (13 TIẾT)**

1. **YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức:**

- Nhận biết được tính cách nhân vật; nhận biết và nêu được tác dụng của việc thay đổi kiểu người kể chuyện trong một truyện kể.

- Thể hiện được thái độ đối với cách giải quyết vấn đề của tác giả trong truyện.

- Nhận biết được đặc điểm của số từ, phó từ và hiểu được chức năng của các từ loại này để sử dụng đúng và hiệu quả.

**2. Năng lực:**

- Bước đầu viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học.

- Trình bày được ý kiến về một vấn đề đời sống; biết trao đổi một cách xây dựng, tôn trọng các ý kiến khác biệt.

**3. Phẩm chất**: Biết bồi đắp, trân trọng tình yêu thương.

* - Hình thành và phát triển ở HS những phẩm chất tốt đẹp: Nhân ái, sống tình cảm, có trách nhiệm với mọi người; hiểu, biết bồi đắp, trân trọng tình yêu thiên nhiên, con người và cảm xúc thẩm mĩ.

- Tự giác, tích cực trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Kế hoạch bài dạy;

- Phiếu bài tập để HS trả lời câu hỏi phù hợp;

- Các phương tiện kỹ thuật;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

**c. Sản phẩm:** Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ TRI THỨC**

**TIẾT 33:**

**HƯỚNG DẪN VIẾT BÀI VĂN PHÂN TÍCH ĐẶC ĐIỂM NHÂN VẬT TRONG MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC**

**Hoạt động 1: Yêu cầu đối với bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được các yêu cầu đối với bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời bằng ngôn ngữ nói của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1: Hướng dẫn Hs tìm hiểu yêu cầu đối với bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  + Em hãy cho biết khi làm một bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học cần phải đảm bảo những yêu cầu nào?  + Gv phát PHT số 1, học sinh làm việc nhóm đôi  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, trao đổi với bạn cùng bàn  - GV quan sát, gợi mở ( em thấy kênh nào dễ nhìn, dễ nhớ hơn...)  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  **- Gv tổ chức hoạt động**  - HS trình bày câu trả lời, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **1. Yêu cầu đối với bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học**  - Giới thiệu được nhân vật trong tác phẩm văn học.  - Chỉ ra được đặc điểm của nhân vật dựa trên các bằng chứng trong tác phẩm.  - Nhận xét được nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn.  - Nêu được ý nghĩa của hình tượng nhân vật. |

**Hoạt động 2: Đọc và phân tích bài viết tham khảo**

**a. Mục tiêu:**

- HS biết viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học theo đúng các bước;

**b. Nội dung**: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành đọc, phân tích bài viết tham khảo, trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập**: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc bài viết tham khảo và trả lời các câu hỏi:  + Bài viết này có bố cục như thế nào? Nêu nội dung từng phần?  + Chỉ ra đặc điểm của nhân vật dựa trên các bằng chứng trong tác phẩm?  + Nhận xét nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn?  + Nêu ý nghĩa của hình tượng nhân vật?  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thực hiện nhiệm vụ**  - HS trả lời câu hỏi;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức | **2. Đọc và phân tích bài viết tham khảo**  - Bài viết tuân thủ đầy đủ các yêu cầu của một bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học:  + Giới thiệu được nhân vật trong tác phẩm văn học: Con mèo Gióc-ba.  + Chỉ ra được đặc điểm của nhân vật dựa trên các bằng chứng trong tác phẩm: To đùng, mập ú. Lông đen óng. Lười nhác.  + Nhận xét được nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn: Nghệ thuật xây dựng nhân vật tài tính, khiến nhân vật Gióc-ba được hiện lên sống động, mang tính cách con người nhưng cũng không bị mất đi những nét của chú mèo đáng yêu.  + Nêu được ý nghĩa của hình tượng nhân vật: Qua hình tượng nhân vật Gióc-ba, Tác giả muốn gửi gắm nhiều bài học quý giá: sự trân trọng lời hứa, sức mạnh kì diệu của tình yêu thương, tinh thần bảo vệ kẻ yếu, sống can đảm và giàu khát vọng. |

**TIẾT 34,35: THỰC HÀNH**

**VIẾT BÀI VĂN PHÂN TÍCH ĐẶC ĐIỂM NHÂN VẬT TRONG MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC**

**Hoạt động 1: Thực hành viết theo các bước**

**a. Mục tiêu:**

- HS biết chọn một nhân vật yêu thích trong một tác phẩm văn học đã học hoặc đã đọc để viết bài văn phân tích theo đúng các bước;

- HS được khơi gợi óc quan sát, khả năng sáng tạo và nhận ra những ý nghĩa mới của cuộc sống.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu bước trước khi viết bài**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS xác định mục đích viết bài, người đọc.  - Lựa chọn nhân vật trong một tác phẩm văn học  - Hướng dẫn HS tìm ý.  - GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm,  - Để tìm ý cho bài viết, em cần tìm hiểu và lựa chọn các chi tiết liên quan đến nhân vật và đưa ra những suy luận về đặc điểm nhân vật đó:  - Khi tìm hiểu và lựa chọn các chi tiết liên quan đến nhân vật, em cần chú ý:  + Lời người kể chuyện nhận xét trực tiếp về nhân vật  + Đặc điểm nhân vật được nhà văn thể hiện gián tiếp qua: các chi tiết miêu tả ngoại hình nhân vật, các chi tiết miêu tả hành động, ngôn ngữ của nhân vật…  **Hồ sơ nhân vật: …**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Cách miêu tả nhân vật** | **Chi tiết trong tác phẩm** | **Suy luận của em về nhân vật** | | Ngoại hình |  |  | | Hành động |  |  | | Ngôn ngữ |  |  | | Nội tâm |  |  | | Mối quan hệ với các nhân vật khác |  |  | | Lời người kể chuyện nhận xét trực tiếp về nhân vật |  |  |   **+ Sau khi tìm ý thì hướng dẫn học sinh lập dàn ý (PHT số 2)**  - Mở bài: Giới thiệu tác phẩm văn học và nhân vật, nêu khái quát ấn tượng về nhân vật.  - Thân bài: Phân tích đặc điểm của nhân vật và nhận xét, đánh giá nghệ thuật xây dựng nhân vật vật của nhà văn:  + Ý 1  + Ý 2  + Ý 3  …  - Kết bài: Nếu ấn tượng và đánh giá về nhân vật  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **NV2: Hướng dẫn học sinh viết bài và chỉnh sửa bài viết**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  *+ Gv phát bảng kiểm để học sinh định hướng viết bài văn*  *+ Gv hướng dẫn thêm về cách viết bài văn*  Khi viết bài cần lưu ý:  - Để những nhận xét về nhân vật thuyế phục và có giá trị, cần dựa trên nhưng sự việc, chi tiết liên quan đến nhân vật trong tác phẩm.  - Cần nhìn nhận, phân tích nhân vật từ nhiều góc độ, trong một chỉnh thể trọn vẹn để có những nhận xét, đánh giá toàn diện, thuyết phục.  -  Phân tích nhân vật một cách cụ thể, chi tiết. Không nên nhận xét, đánh giá về nhân vật một cách chung chung. Cần đưa ra các bằng chứng trong tác phẩm để làm căn cứ cho những nhận xét, suy luận về đặc điểm nhân vật.  *+ Học sinh tự rà soát, chỉnh sửa bài viết của mình và của bạn theo bảng kiểm*   |  |  | | --- | --- | | **Yêu cầu** | **Gợi ý chỉnh sửa** | | Giới thiệu được nhân vật trong tác phẩm văn học. | Nếu chưa giới thiệu được nhân vật, hãy viết một vài câu giới thiệu nhân vật em sẽ phân tích. | | Chỉ ra được đặc điểm của nhân vật dựa trên các bằng chứng trong tác phẩm | Gạch dưới những nhận xét, đánh gía của em về nhân vật. Nếu chưa đầy đủ, cần bổ sung.  Vẽ đường lượn dưới các bằng chứng được trích dẫn từ tác phẩm. Nếu chưa có hoặc chưa thuyết phục thì cần bổ sung. | | Nhận xét, đánh gía được nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn | Đánh dấu những câu văn nhận xét, đánh giá về nghệ thuật xây dựng nhân vật. Nếu chưa có hoặc chưa đủ thì cần viết thêm. | | Nêu được ý nghĩa của hình tượng nhân vật | Đánh dấu câu văn nêu ý nghĩa của hình tượng nhân vật. Nếu chưa có, hãy viết một vài câu nêu ý nghĩa của hình tượng nhân vật. | | Đảm bảo yêu cầu về chính tả và diễn đạt | Rà soát lỗi chính tả và diễn đạt. Chỉnh sửa nếu phát hiện lỗi. |   - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS báo cáo sản phẩm thảo luận;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **3. Thực hành viết theo các bước**  ***Các bước tiến hành***  **a. Trước khi viết**  - Lựa chọn nhân vật trong một tác phẩm văn học  - Tìm ý;  - Lập dàn ý.  **b. Viết bài**  **c. Chỉnh sửa** |

**TIẾT 36: NÓI VÀ NGHE**

**TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ ĐỜI SỐNG (ĐƯỢC GỢI RA TỪ MỘT NHÂN VẬT VĂN HỌC)**

**Hoạt động 1: Chuẩn bị bài nói**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được các yêu cầu, mục đích của bài.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV: Hướng dẫn học sinh chuẩn bị bài nói**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  *+ GV nêu rõ yêu cầu: HS xác định mục đích nói, bám sát mục đích nói và đối tượng nghe.*  *+ GV hướng dẫn HS chuẩn bị nội dung nói:*  - Lựa chọn một vấn đề đời sống có ý nghĩa được gợi ra từ một nhân vật văn học trong tác phẩm mà em đã đọc  - Thu thập tư liệu cho nội dung trình bày:  + Tìm ý tưởng cho bài trình bày  + Tìm thêm thông tin liên quan  - Lập đề cương bài nói  *+ GV hướng dẫn HS luyện nói theo nhóm, góp ý cho nhau về nội dung, cách nói:*  - Tập nói một mình để nắm chắc nội dung trình bày.  - Nắm rõ các tiêu chí đánh giá bài nói  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  - Các nhóm luyện nói  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **1. Chuẩn bị bài nói**  a. Xác định mục đích nói và người người nghe.  b. Chuẩn bị nội dung nói và tập luyện |

**Hoạt động 2: Trình bày bài nói**

**a. Mục tiêu:** Biết được các kĩ năng khi trình bày bài nói.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV: Hướng dẫn Hs trình bày bài nói**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *+ Nhắc học sinh một số lưu ý*  *+ Gv gọi một số học sinh trình bày trước lớp*  *+ Phát phiếu đánh giá theo tiêu chí để học sinh đánh giá bài nói của bạn (có thể dùng nhiều màu mực khác nhau để đánh giá được nhiều bạn)*  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  - Các nhóm luyện nói  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **2. Trình bày bài nói**  **a. Người nói**  - Tự tin, thoải mái. Chú ý chào hỏi khi bắt đầu và cảm ơn khi kết thúc bài nói.  - Bám sát vào mục đích nói  - Lần lượt trình bày các ý theo nội dung đã chuẩn bị  - Nhấn mạnh ý kiến riêng của mình về vấn đề đời sống  - Điều chỉnh giọng nói, tốc độ nói; sử dụng cử chỉ, điệu bộ phù hợp với nội dung trình bày và thể hiện sự tương tác với người nghe  **b. Người nghe**  - Tập trung lắng nghe để nắm được nội dung trình bày của bạn  - Chú ý cách trình bày và thái độ của người nói  - Ghi lại một số nội dung dự kiến sẽ thảo luận với người nói |

**Hoạt động 2: Trao đổi về bài nói**

**a. Mục tiêu:** Nắm được cách đánh giá bài nói/trình bày

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV: Hướng dẫn HS trao đổi về bài nói**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *+ Yêu cầu học sinh hoàn thiện phiếu đánh giá theo bảng kiểm và nhận xét bài nói của bạn*  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  - Gv quan sát  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trao đổi  - Gv tổ chức hoạt động  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **3. Trao đổi về bài nói** |

|  |  |
| --- | --- |
| **Người nghe** | **Người nói** |
| Kiểm tra lại các thông tin đã nghe được, trao đổi với người nói trên tinh thần xây dựng và tôn trọng. Có thể trao đổi bằng cách:  - Đặt câu hỏi để thu thập thêm thông tin về vấn đề thảo luận  - Đưa ra lí do thể hiện sự đồng tình hay không đồng tình với ý kiến của người nói  - Nhận xét về lí lẽ và bằng chứng mà người nói sử dụng. | Lắng nghe, phản hồi ý kiến của người nghe với tinh thần cầu thị:  - Trả lời câu hỏi, bổ sung thông tin cho những nội dung mà người nghe chưa rõ  - Bổ sung lí lẽ, bằng chứng để bảo vệ ý kiến của mình nếu nhận thấy ý kiến đó đúng  - Tiếp thu những ý kiến góp ý mà em cho là xác đáng |

**Bảng kiểm**

**Bảng kiểm bài nói trình bày ý kiến về một vấn đề đời sống**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung kiểm tra** | **Đạt/ Chưa đạt** |
| Bài nói có đầy đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. |  |
| Bài nói có thể hiện được tính hấp dẫn, đầy đủ, chính xác của vấn đề được chọn. |  |
| Bài nói có làm rõ những vấn đề được gợi ra từ một nhân vật văn học. |  |
| Các sự việc được trình bày theo trình tự hợp lí. |  |
| Giọng to, rõ, mạch lạc, thể hiện cảm xúc phù hợp với nội dung vấn đề được đề cập. |  |
| Người nói tự tin, nhìn vào người nghe khi nói, sử dụng giọng nói, nét mặt, cử chỉ hợp lí. |  |
| Sử dụng các phương tiện hỗ trợ như tranh ảnh, video… |  |

**BÀI 4: GIAI ĐIỆU ĐẤT NƯỚC ( 12 tiết)**

***(Đọc và Thực hành tiếng Việt: 7 tiết; Viết: 4 tiết; Nói và nghe: 1 tiết)***

Sau bài học này, HS sẽ:

- Nhận biết và nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ,hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ.

- Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.

- Hiểu được khái niệm ngữ cảnh, nghĩa của từ ngữ trong ngữ cảnh và biết vận dụng để dùng từ ngữ đúng với ngữ cảnh.

- Viết được bài vần biểu cảm về con người hoặc sự việc.

-Trình bày được ý kiến về một vấn đề đời sống; biết trao đổi một cách xây dựng, tôn trọng các ý kiến khác biệt.

-Yêu mến, tự hào về quê hương đât nước.

**GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGỮ VĂN**

**Hoạt động 1: *Tìm hiểu Giới thiệu bài học***

- GV khái quát phần *Giới thiệu bài học*gồm có hai nội dung:

+ Khái quát chủ đề Giai điệu đất nước và nêu thể loại của văn bản đọc chính (thơ).

+ Giới thiệu văn bản đọc kết nối chủ đề.

- GV hướng dẫn HS tự đọc phần *Giới thiệu bài học*SGK tr.89 và yêu cầu HS: *Xác định thể loại văn bản đọc chính và nhận biết sự kết nối giữa các văn bản.*

- HS tiếp nhân, thực hiện nhiệm vụ.

 - GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

**Hoạt động 2: Khám phá tri thức ngữ văn**

- GV yêu cầu HS tự đọc phần Tri thức ngữ văn SGK tr.89.

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:

*+Tình cảm, cảm xúc trong thơ được hiểu như thế nào?*

*+ Hình ảnh trong thơ đóng vai trò gì trong việc biểu lộ tình cảm của tác giả ?*

*+ Ngữ cảnh là gì*

*+ Nghĩa của từ trong ngữ cảnhlà gì?*

- HS tiếp nhân, thực hiện nhiệm vụ.

+ Tình cảm, cám xúc được xem là yếu tố gốc rễ, là cội nguồn để làm nên sức hấp dẫn đặc biệt của thơ trữ tình, phân biệt thơ trữ tình với các thể loại văn học khác; Tình cảm, cảm xúc làm nên nội dung chính, nội dung chủ yếu của thơ trữ tình. lất cả những cảnh sắc, con người, sự kiện,... ngoài đời sống khi đi vào thơ đẽu trải qua những rung động tâm hồn, những cảm xúc mãnh liệt của người nghệ sĩ. Chính vì thế, đến với thơ, ta không chỉ dừng lại ở bức tranh đời sống được vẽ nên trong tác phẩm mà còn phải đặc biệt chú ý đến những niềm vui, nỗi buồn, những mong muốn, khát vọng của nha thơ. Tình cảm, cảm xúc trong thơ có thể được bộc lộ một cách trực tiếp hoặc gian tiếp thông qua các hình ảnh, biểu tượng,...

+ Hình ảnh là mội yếu tố quan trọng trong thơ trữ tình, là phương tiện để nhà thơ bộc lộ tình cảm, cảm xúc của mình. Hình ảnh thơ không chỉ có vai trò giúp nhà thơ bộc lộ tình cảm, cảm xúc mà còn là phương tiện để thi sĩ thể hiện những tư tưởng, quan niệm về đời sống

+ Ngữ cảnh là bối cảnh ngôn ngữ trong đó một đơn vị ngôn ngữ được sử dụng. Đó có thể là bối cảnh trong VB, gồm những đơn vị ngôn ngữ (từ, cụm từ, cầu) đứng trước và sau một đơn vị ngôn ngữ (còn gọi là văn cảnh).

+ Trong giao tiếp, người viết (nói) không dùng những từ, cụm từ riêng lẻ, rời rạc mà thưồng kết hợp các từ, cụm từ theo những quy tắc ngôn ngữ để tạo thành những phát ngôn có nghĩa. Chính vì thế, để hiểu được nghĩa của một từ, cụm từ, ta phải đặt từ, cụm từ đó trong ngữ cảnh, phải căn cứ vào các từ. cụm từ đứng trước và sau nó.

- GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

**VĂN BẢN 1: MÙA XUÂN NHO NHỎ**

(Thanh Hải)

**I. MỤC TIÊU**

**1.Về kiến thức**

Sau bài học này, HS sẽ:

- Cảm nhận được vẻ đẹp của mùa xuân thiên nhiên và mùa xuân đất nước.

- Lẽ sống cao đẹp của một con người chân chính

**2. Về năng lực**

- Năng lực chung: năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân

- Năng lực chuyên biệt:

+Đọc hiểu một văn bản thơ trữ tình hiện đại: thể loại, hình ảnh thơ đặc sắc, giá trị nội dung và nghệ thuật

+Đọc mở rộng văn bản trữ tình hiện đại

+ Viết: Trình bày những suy nghĩ cảm nhận về một hình ảnh thơ, một khổ thơ, một văn bản thơ.

**3.Về phẩm chất**:

-Yêu thiên nhiên, đất nước, tự ý thức góp một phần công sức nhỏ bé của bản thân bằng những việc làm thiết thực để cống hiến cho quê hương, đất nước.

**II. CHUẨN BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

1. **Chuẩn bị của giáo viên:**

- Kế hoạch bài học

* Học liệu: Đồ dùng dạy học, phiếu học tập, bài tập ra kỳ trước (nếu có)…

1. **Chuẩn bị của học sinh:**

- Nội dung kiến thức học sinh chuẩn bị trước ở nhà.

**III. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung (ghi bảng)** |
| **HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU(3 phút)**  **1. Mục tiêu:**  - Tạo tâm thế hứng thú cho HS.  - Kích thích HS tìm hiểu về mùa xuân, cảm xúc của người nghệ sĩ về mùa xuân.  HĐ cá nhân, HĐ cả lớp.  **2. Phương thức thực hiện:**  *- Hoạt động cá nhân, cả lớp*  *- PP nêu vấn đề*  **3. Sản phẩm hoạt động**  *- HS trả lời miệng*  **4. Phương án kiểm tra, đánh giá**  *- Học sinh đánh giá.*  *- Giáo viên đánh giá.*  **5. Tiến trình hoạt động:**  ***\*Chuyển giao nhiệm vụ***  **-** Em hãy kể tên những tác phẩm văn học viết về đề tài mùa xuân? Em thích nhất bài thơ nào?Vì sao em thích?  ***\*Thực hiện nhiệm vụ***  *- Học sinh tìm hiểu, trả lời:*  *- Giáo viên: Quan sát hướng dẫn…*  *- Dự kiến sản phẩm:*Mùa xuân chín - Hàn Mặc Tử, Mùa xuân xanh- Nguyễn Bính…*Mùa xuân nho nhỏ của Thanh Hải...*  *Mùa xuân luôn là đề tài bất tận của thi ca. Dưới con mắt của các thi sĩ, mùa xuân hiện lên có màu sắc có âm thanh sống động. Em thích nhất bài thơ MXNN bởi nó cho thấy vẻ đẹp mùa xuân cùng cảm xúc cuả con người …*  ***\*Báo cáo kết quả:*** Mùa xuân chín- Hàn Mặc Tử, Mùa xuân xanh - Nguyễn Bính… Mùa xuân nho nhỏ.  Em thích nhất là bài Mùa xuân nho nhỏ vì bài thơ có âm điệu trong sáng, ngọt ngào, có nhiều h?nh ảnh thơ đẹp....  ***\*Đánh giá kết quả***  *- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá*  *- Giáo viên nhận xét, đánh giá:*  *Mùa xuân luôn là nguồn cảm hứng, đề tài bất tận của thi ca. Dưới con mắt của các thi sĩ, mùa xuân hiện lên với những màu sắc, dáng vẻ khác nhau. Bức tranh mùa xuân trong bài thơ* Mùa xuân nho nhỏ *của Thanh Hải được hiện lên như thế nào, cảm xúc của thi sĩ ra sao bài học hôm nay sẽ giúp các em trả lời được câu hỏi ấy ...*  **HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (32 phút)**  Hoạt động 1: **Giới thiệu chung**  **1. Mục tiêu:**HS nắm được những nét chính về tác giả và văn bản.  **2. Phương thức thực hiện:**  - PP: Vấn đáp, thuyết trình, dạy học theo dự án; Kĩ thuật đặt câu hỏi…  *- Hoạt động cá nhân, hoạt động cả lớp, …*  **3. Sản phẩm hoạt động**:  *Phiếu học tập của cá nhân*  **4. Phương án kiểm tra, đánh giá**  *- Học sinh đánh giá lẫn nhau.*  *- Giáo viên đánh giá.*  **5. Tiến trình hoạt động**  ***\*Chuyển giao nhiệm vụ***  *? Giới thiệu vài nét về nhà thơ Thanh Hải và bài thơ Mùa xuân nho nhỏ mà các em đã chuẩn bị?*  ***\*Thực hiện nhiệm vụ***  *- Học sinh lên trình bày…*  *- Giáo viên quan sát, lắng nghe…*  *- Dự kiến sản phẩm: Những nét chính về Thanh Hải và bài thơ "Mùa xuân nho nhỏ"*  ***\*Báo cáo kết quả: HS lên trình bày***  ***\*Đánh giá kết quả***  *- Học sinh khác nhận xét, bổ sung, đánh giá*  *- Giáo viên nhận xét, đánh giá*  *->Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng*  -GV hướng dẫn đọc:  *Thể thơ 5 chữ, không ngắt nhịp trong câu, giọng vui tươi, trìu mến; đoạn giữa nhanh; đoạn cuối suy tư, trầm lắng.*  - GV đọc mẫu đoạn 1, gọi HS đọc tiếp các phần còn lại.  ? Nêu mạch cảm xúc của bài thơ? Từ đó chia bố cục của bài ?  \* **GV gợi ý thêm:** *Từ cảm xúc về mùa xuân thiên nhiên, đất trời 🡪 cảm xúc về mùa xuân đất nước🡪 Ước nguyện trước mùa xuân.*  **HĐ 2. Hướng dẫn HS tìm hiểu văn bản.**  **ND 1**  ***1. Mục tiêu****:* Học sinh cảm nhận được bức tranh mùa xuân có màu sắc, đường nét…và tâm trạng của tác giả.  **2. Phương thức thực hiện:**  - PP Nêu vấn đề, vấn đáp, thuyết trình, TL nhóm, kĩ thuật đặt câu hỏi…  *- Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm, cả lớp…*  **3. Sản phẩm hoạt động**: Phiếu hoạt động của nhóm  **4. Phương án kiểm tra, đánh giá:**  *- Học sinh đánh giá lẫn nhau.*  **5. Tiến trình hoạt động:**  ***\* Chuyển giao nhiệm vụ: HĐ nhóm***  a. Hình ảnh mùa xuân thiên nhiên được gợi tả qua hình ảnh nghệ thuật nào? Em cảm nhận được gì về bức tranh mùa xuân?  b. Xác định biện pháp nghệ thuật độc đáo trong hai câu thơ cuối đoạn thơ và nêu tác dụng của biện pháp nghệ thuật ấy*?*  ***\* Thực hiện nhiệm vụ***  *- Học sinh: Đọc yêu cầu, hoạt động cá nhân, nhóm theo bàn -> thảo luận…*  *- Giáo viêm: Quan sát trợ giúp HS*  *-* ***Dự kiến sản phẩm***  - Hình ảnh: + ***Mọc*** giữa dòng sông xanh  + Một bông hoa tím biếc  + Con chim chiền chiện…  => Bức tranh xuân tươi đẹp có sự hài hòa về mầu sắc, rộn rã âm thanh, -khỏe khoắn căng tràn sức sống  - NT: Ẩn dụ: Giọt long lanh-> âm thanh tiếng chim chiền chiện ngưng đọng lại long lanh trong ánh sáng mùa xuân  + Kế hợp với 2 động từ đưa, hứng  -> Tâm trạng say sưa ngây ngất, nâng niu trân trọng vẻ đẹp của mùa xuân xứ Huế.  ***\*Báo cáo kết quả***  HS lên bảng trình bày kết quả thảo luận của nhóm.  (Trình trên bảng phụ)  ***\*Đánh giá kết quả***  HS nhóm khác phản biện, nhận xét, bổ sung  *- Giáo viên nhận xét, đánh giá kết quả thảo luận của các nhóm*  *->Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng*  *Gv bình: Chỉ với 6 câu thơ, với vài nét phác vẽ đơn sơ mà đặc sắc, bằng những hình ảnh nho nhỏ, thân quen, bình dị, nhà thơ đã gợi lên một lên một bức tranh xuân tươi tắn, thơ mộng, mang đậm phong vị xứ Huế - quê hương của tác giả. Đặc biệt là âm thanh của tiếng chim chiền chiện – sứ giả của mùa xuân vang ngân lên từng tiếng một, thật trong, thật tròn làm xao xuyến hồn thi nhân để rồi nhà thơ đón nhận với tất cả sự đắm say, trân trọngbằng cả tâm hồn qua hành động “hứng”...*  **ND2**  **1. Mục tiêu**: Cảm nhận được cảm xúc trước mùa xuân đất nước, mùa xuân cách mạng.  **2. Phương thức thực hiện**:  *- PP Nêu vấn đề, vấn đáp, thuyết trình, TL nhóm, kĩ thuật đặt câu hỏi…*  *- Hoạt động cá nhân, hoạt động cặp đôi, cả lớp…*  **3. Sản phẩm hoạt động**: Phiếu hoạt động của cặp đôi  **4. Phương án kiểm tra, đánh giá**:  *- Học sinh đánh giá lẫn nhau.*  **5. Tiến trình hoạt động**:  ***\* Chuyển giao nhiệm vụ: HĐ cặp đôi***  a. Hình ảnh mùa xuân đất nước được gợi lên qua hình ảnh thơ nào? Em có nhận xét gì về hình ảnh ấy?  b. Xác định biện pháp nghệ thuật độc đáo trong đoạn thơ và nêu tác dụng của biện pháp nghệ thuật ấy*?*  c. Qua những hình ảnh, nghệ thuật đó em cảm cảm nhận được gì về tâm trạng cảm xúc của nhà thơ?  ***\* Thực hiện nhiệm vụ***  *- Học sinh: Đọc yêu cầu, hoạt động cá nhân, hoạt động cặp đôi*  *- Giáo viên: Quan sát trợ giúp HS*  *-* ***Dự kiến sản phẩm***  - Hình ảnh: + Người cầm súng  +Người ra đồng  + Lộc  -> Hình ảnh đa nghĩa *(vừa thực lại vừa có ý nghĩa tượng trưng cho hai nhiệm vụ quan trọng của đất nước: chiến đấu bảo vệ và lao động xây dựng đất nước).* …  - Điệp ngữ: *Tất cả như*  -Từ láy *hối hả, xôn xao*; nhịp thơ rộn rã-> Khí thể tưng bừng, nhộn nhịp của đất nước vào xuân.  - Nhân hóa: *Đất nước ...vất vả, gian lao*  - So sánh: *Đất nước như vì sao*  => Hình ảnh đất nước hiện lên thật gần gũi, bình dị, trường tồn... đồng thời thể hiện niềm tự hào về đất nước, niềm tin vào tương lai của đất nước.  ***\*Báo cáo kết quả***  HS lên bảng trình bày kết quả thảo luận của nhóm.  (Trình trên bảng phụ)  ***\*Đánh giá kết quả***  HS nhóm khác phản biện, nhận xét, bổ sung  *- Giáo viên nhận xét, đánh giá kết quả thảo luận của các nhóm*  *->Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng*  **ND3**  **1. Mục tiêu**:Cảm nhân được khát vọng đẹp đẽ của nhà thơ muốn dâng hiến cho cuộc đời.  **2. Phương thức thực hiện:**  - PP Nêu vấn đề, vấn đáp, thuyết trình, TL nhóm, kĩ thuật đặt câu hỏi, khăn phủ bàn…  *- Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm, cả lớp…*  **3. Sản phẩm hoạt động:** Phiếu hoạt động của nhóm theo tổ  **4. Phương án kiểm tra, đánh giá**:  *- Học sinh đánh giá lẫn nhau.*  **5. Tiến trình hoạt động:**  ***\* Chuyển giao nhiệm vụ: HĐ nhóm theo tổ***  a. Trước vẻ đẹp của mùa xuân đất nước mùa xuân cách mạng nhà thơ đã bộc lộ nguyện ước gì?  b. Chỉ ra nghệ thuật độc đáo mà nhà thơ sử dụng trong đoạn thơ? Nêu tác dụng?  ? Nêu nhận xét của em về điều tâm niệm của nhà thơ?  GV phát phiếu HT cho HS  ***\* Thực hiện nhiệm vụ***  *- Học sinh: Đọc yêu cầu, hoạt động cá nhân, nhóm theo tổ -> thảo luận…*  *- Giáo viên: Quan sát trợ giúp HS*  *-* ***Dự kiến sản phẩm***  - Ước: ***Ta làm*** *con chim* hót  ***Ta làm*** một *cành hoa*  ***Ta nhập*** vào hòa ca/ Một *nốt trầm xao xuyến*  => Ước nguyện chân thành, muốn được cống hiến phần nhỏ bé nhưng có ích cho cuộc đời, muốn được hoà nhập vào cuộc sống của đất nước.  - NT: Điệp ngữ *Ta làm,* *Dù là*  Ẩn dụ: *mùa xuân nho nhỏ*  *Hoán dụ “tuổi hai mươi”, “khi tóc bạc”*   * *Ước nguyên cống hiến, hòa nhập của nhà thơ: Muốn được cống hiến phần nhỏ bé, tốt đẹp, hữu ích cho cuộc đời cho đất nước. Nguyện ước của nhà thơ thật đáng trân trọng bởi diễn ra bền bỉ, cống hiến trọn đời*   ***\*Báo cáo kết quả***  HS lên bảng trình bày kết quả thảo luận của nhóm mình.  (Trình trên bảng phụ)  ***\*Đánh giá kết quả***  HS nhóm khác phản biện, nhận xét, bổ sung  *- Giáo viên nhận xét, đánh giá kết quả thảo luận của các nhóm*  *->Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng*  ***GV bình***  **ND4**  **1. Mục tiêu***:* Cảm nhân được khát vọng đẹp đẽ của nhà thơ muốn cất cao tiếng hát ngơi ca quê hương.  **2. Phương thức thực hiện**:  - PP vấn đáp, thuyết trình, kĩ thuật đặt câu hỏi…  *- Hoạt động cá nhân, cả lớp…*  **3. Sản phẩm hoạt động**: HS trình bày miệng  **4. Phương án kiểm tra, đánh giá**:  *GV đánh giá*  5**. Tiến trình hoạt động:**  ***\* Chuyển giao nhiệm vụ: HĐ cá nhân***  ? Nhận xét về âm hưởng của đoạn thơ? Tình cảm mà tác giả gửi gắm ở đây là gì?  ? Đặt bài thơ trong hoàn cảnh ra đời, em có suy nghĩ gì về lí tưởng sống của tác giả?  ***\* Thực hiện nhiệm vụ***  *- Học sinh: nghe, hoạt động cá nhân suy nghĩ để trả lời-*  *- Giáo viên: Quan sát trợ giúp HS*  *-* ***Dự kiến sản phẩm:***  - *Mùa xuân ta xin hát*  …  *Nhịp phách tiền đất Huế*  \* Âm hưởng của khúc dân ca xứ Huế: Làn điệu Nam ai, Nam bình ngọt ngào sâu lắng  Điệp khúc như lời hát.  => Lòng tự hào, thiết tha yêu quê hương, đất nước.  \* Đặt trong hoàn cảnh ra đời khi nhà thơ đang nằm trên giường bệnh và không lâu sau thì qua đời -> Lí tưởng sống cao đẹp của nhà thơ của một con người trọn đời đi theo cách mạng trọn đời cống hiến...  ***\*Báo cáo kết quả***  HS lên trình bày suy nghĩ của m?nh.  ***\*Đánh giá kết quả***  HS khác nhận xét, bổ sung  *- Giáo viên nhận xét, đánh giá kết*  *->Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng*  **Hoạt động 3**  **\* Mục tiêu**: Giúp học sinh khái quát được những nét đặc sắc về nghệ thuật và nội dung của văn bản.  \* **Nhiệm vụ**: HS thực hiện yêu cầu của GV  \* **Phương thức thực hiện**: Hoạt động cá nhân  \* **Yêu cầu sản phẩm**: câu trả lời của HS  \* **Cách tiến hành**:  **1. GV chuyển giao nhiệm vụ cho HS:**  **HOẠT ĐỘNG CÁ NHÂN(2 phút)**  **2*.* HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:**  + Đọc yêu cầu.  + HS làm việc cá nhân.  - GV nhận xét câu trả lời của HS.  - GVchốt trên bảng phụ bằng bản đồ tư duy  **1 Nghệ thuật :**  - Thể thơ năm chữ, làn điệu dân ca miền Trung, âm hưởng nhẹ nhàng tha thiết.  - Hình ảnh thơ tự nhiên, giản dị.  - Cấu tứ bài thơ chặt chẽ.  - Giọng điệu bài thơ thể hiện tâm trạng, cảm xúc của tác giả.  **2.Nội dung**  - Bài thơ thể hiện tâm niệm chân thành, tha thiết mà hết sức khiêm tốn của nhà thơ muốn cống hiến trọn đời cho đất nước.  - Bài thơ là lời kêu gọi, thúc giục mọi thế hệ hãy sống đẹp, có ích cho cuộc đời, cho đất nước.  **HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (5 PHÚT)**  1. **Mục tiêu**: Vận dụng hiểu biết về văn bản để làm bài  2. **Phương thức thực hiện**: HĐ cặp đôi  **3. Sản phẩm**: Câu trả lời của HS  4**. Phương án kiểm tra, đánh giá:**  - HS nhận xét đánh giá  - GV đánh giá.  5. **Cách tiến hành**:  **\*. GV chuyển giao nhiệm vụ cho HS:**  **TRAO ĐỔI CẶP ĐÔI (1phút)**  **Giải thích nhan đề *Mùa xuân nho nhỏ***  \***HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:**  *- Học sinh: thực hiện cá nhân*  *- Giáo viên: theo dõi, hướng dẫn*  *- Dự kiến sản phẩm…*  *+Tên bài thơ là một sáng tạo độc đáo, một phát hiện mới mẻ của nhà thơ.*  *+ Hình ảnh mùa xuân nho nhỏ là biếu tương cho những gì tinh túy nhất, đẹp đẽ nhất của sự sống và của cuộc đời mỗi con người.*  *+ Thể hiện nguyện ước của nhà thơ muốn làm một mùa xuân, nghĩa là sống đẹp, sống với tất cả sức sống tươi trẻ của mình nhưng rất khiêm nhường là một mùa xuân nhỏ góp vào mùa xuân lớn của đất nước của cuộc đời.*  *+ Thể hiện quan điểm về sự thống nhất giữa cái riêng và cái chung, giữa cá nhân và cộng đồng.*  ***\*Báo cáo kết quả: HS trình bày***  ***\*Đánh giá kết quả***  *- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá*  *- Giáo viên nhận xét, đánh giá*  *->Giáo viên chốt kiến thức*  **HOẠT ĐỘNG 3: VẬN DỤNG (03 PHÚT)**  1. **Mục tiêu**: HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.  2. **Nhiệm vụ**: HS suy nghĩ , trình bày  3. **Phương thức thực hiện**: HĐ cá nhân  4. **Sản phẩm**: Câu trả lời của HS  5. **Cách** **tiến hành**:  **1. GV chuyển giao nhiệm vụ cho HS:**  **Sau khi học xong văn bản này em có suy nghĩ gì về lẽ sống của tuổi trẻ hiện nay?**  **2*.* HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:**  + Đọc yêu cầu.  + Suy nghĩ trả lời.  + 2 HS trả lời.  - GV nhận xét câu trả lời của HS.  - GV khái quát ( có thể chiếu clip, tranh ảnh thể hiện lẽ sống của con người VN, của tuổi trẻ VN hiện nay) -> nhắc nhở HS lí tưởng sống của bản thân  **HOẠT ĐỘNG 4: TÌM TÒI, MỞ RỘNG, SÁNG TẠO(02 PHÚT)**  \* **Mục tiêu**: HS mở rộng vốn kiến thức đã học.  \* **Nhiệm vụ**: Về nhà tìm hiểu, liên hệ.  \* **Phương thức hoạt động**: cá nhân.  \* **Yêu cầu sản phẩm**: Tìm thêm những câu chuyện, bài thơ, bài hát, nhân vật có lí tưởng, lẽ sống cao đẹp.  \* **Cách tiến hành**:  **1. GV chuyển giao nhiệm vụ cho Hs*:***  Viết đoạn văn ngắn (7 dòng) trình bày cảm nhận về vẻ đẹp của mùa xuân xứ Huế?  **2. HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:**  **+** Đọc yêu cầu.  + Về nhà sưu tầm. | **I. Giới thiệụ:**  **1. Tác giả:**  - Tên thật: Phạm Bá Ngoãn (1930- 1980).  - Quê: Thừa Thiên- Huế.  - Tham gia cả hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ  - Tác phẩm chính: *Những đồng chí trung kiên*  **2. Văn bản**  **a. Hoàn cảnh ra đời, xuất xứ:**  - Viết tháng 11/1980, khi tác giả đang nằm trên giường bệnh, không lâu sau nhà thơ qua đời  **b. Đọc – chú thích – Bố cục**  \* Đọc  \*Chú thích  \* Bố cục  🡪 4 phần.  ***II. Tìm hiểu văn bản***  **1. Cảm xúc trước mùa xuân thiên nhiên, đất trời**  - Nghệ thuật đảo ngữ, hình ảnh chọn lọc, tiêu biểu.  =>Bức tranh xuân, cao rộng, thoáng đãng; màu sắc tươi thắm; âm thanh vang vọng. Đó là bức tranh mùa xuân xứ Huế đẹp, thơ mộng, đầy sức sống.  \* Ẩn dụ chuyển đổi cảm giác, động từ gợi tả  *- Từng giọt long lanh rơi*  *Tôi đưa tay tôi hứng*  => Cảm xúc say sưa, ngây ngất, thái độ trân trọng trước vẻ đẹp của đất trời mùa xuân.  **2. Cảm xúc trước mùa xuân của đất nước, Cách mạng**  \* Hình ảnh đa nghĩa *(vừa thực lại vừa có ý nghĩa biểu trưng).* Người cầm súng và người ra đồng, họ đi đến đâu mang theo lộc non *(may mắn, hạnh phúc…)* đến đó. 🡪 Đem mùa xuân đến cho mọi nơi.  \* Nhịp thơ hối hả, rộn rã.  => Khí thế tưng bừng, khẩn trương nhộn nhịp vào xuân.  \* Hình ảnh so sánh sáng tạo, hình ảnh đẹp, từ ngữ khẳng định.  => Sự trường tồn của dân tộc, vẻ đẹp tương lai  🡪 Tình cảm tự hào, mến yêu cuộc sống.  **3. Tâm niệm của nhà thơ**  ­  *- Ta làm: con chim hót*  *một cành hoa*  *nhập vào hoà ca*  *nốt trầm xao xuyến*  \* Điệp ngữ, có sự chuyển đổi cách xưng hô “ta”, hình ảnh đẹp, lặp lại tạo sự đối ứng chặt chẽ.  => Ước nguyện chân thành, muốn được cống hiến phần nhỏ bé nhưng có ích cho cuộc đời, muốn được hoà nhập vào cuộc sống của đất nước.  *.....Dù là khi tóc bạc*  \* Ẩn dụ “*mùa xuân nho nhỏ”;* Điệp ngữ “*Dù là”; Hoán dụ “tuổi hai mươi”, “khi tóc bạc”*  => Ước nguyện dâng hiến nhỏ bé, khiêm nhường không ồn ào, khoa trương... nguyện cống hiến cả cuộc đời cho đất nước  -> Điều tâm niệm thật chân thành, tha thiết, bình dị rất đáng trân trọng, ngợi ca.  **4. Lời ngợi ca quê hương, đất nước**  -  - Khổ thơ cuối mang âm hưởng của khúc dân ca xứ Huế. Điệp khúc như lời hát.  => Lòng tự hào, thiết tha yêu quê hương, đất nước.  **III. Tổng kết:**  ***1. Nghệ thuật:***  - Thể thơ năm chữ, âm hưởng dân ca xứ Huế  - Hình ảnh thơ tự nhiên, giản dị.  Cấu tứ bài thơ chặt chẽ.  - Giọng điệu bài thơ thể hiện tâm trạng, cảm xúc của tác giả.  ***2. Nội dung***  - Bài thơ thể hiện tâm niệm chân thành, tha thiết mà hết sức khiêm tốn của nhà thơ muốn cống hiến trọn đời cho đất nước.  - Bài thơ là lời kêu gọi, thúc giục mọi thế hệ hãy sống đẹp, có ích cho cuộc đời, cho đất nước.  ***3. Ghi nhớ - SGK 58.***  **III. Luyện tập**  1. Bài tập 1  2. Bài tập 2 |

**IV. RÚT KINH NGHIỆM:**

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

1. Khám phá “tri thức ngữ văn” giúp HS có tri thức công cụ để đọc hiểu văn bản. Vì thế, có thể được tổ chức dạy học trong hoạt động *Tìm hiểu chung* khi học VB1. [↑](#footnote-ref-1)